TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **110**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 06 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, 212 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Phạm Nguyễn Thành H**, sinh năm 1995; địa chỉ: 24 Đường C, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. **Chị Đỗ Thị Diễm H1,** sinh năm: 1994; địa chỉ: 5/23 Đường N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Nguyễn Thành H và chị Đỗ Thị Diễm H1 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh H và chị H1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Trung T, sinh ngày 17/12/2015 và Phạm Trung K, sinh ngày 19/10/2017. Anh H và chị H1 thoả thuận: Giao con chung Phạm Trung T và Phạm Trung K cho anh Phạm Nguyễn Thành H trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H1 cấp dưỡng nuôi con với số tiền 500.000 đồng/tháng/con, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con Phạm Trung T và Phạm Trung K đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh H và chị H1 xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh H và chị H1 cùng xác nhận không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Nguyễn Thành H và chị Đỗ Thị Diễm H1 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn; khấu trừ hết vào số tiền tạm

ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh H, chị H1 đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005481 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành (ngày 24 tháng 02 năm 2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Nguyễn Thành H và chị Đỗ Thị Diễm H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Trung T, sinh ngày 17/12/2015 và Phạm Trung K, sinh ngày 19/10/2017 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Chị H1 cấp dưỡng nuôi con với số tiền 500.000 đồng/tháng/con (năm trăm nghìn đồng một tháng cho một con chung), kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con Phạm Trung T và Phạm Trung K đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Nguyễn Thành H và chị Đỗ Thị Diễm H1 xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phạm Nguyễn Thành H và chị Đỗ Thị Diễm H1 cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Nguyễn Thành H và chị Đỗ Thị Diễm H1 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn; khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh H, chị H1 đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005481 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND TP H;
- UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Số ĐKKH 77 ngày 05/11/2016)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thúc Mỹ